

Số: 1165../QĐ-LTT-TTĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận hoàn thành khóa học cho học viên các lớp ngắn hạn
Đợt tháng 10 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề;

Căn cứ kết quả thi cuối khóa của học viên ngắn hạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 204 học viên các lớp ngắn hạn đã hoàn thành khóa học và được cấp Chứng chỉ đào tạo đợt tháng 10 năm 2018. Trong đó:

1. Tin học Ứng dụng CB: 204 học viên (có danh sách đính kèm)

Điều 2. Các học viên trên được cấp Chứng chỉ đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Đợt tháng 10 năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 1165../QĐ-LTT-TTĐT ngày 24 tháng 10 năm 2018
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
1	15002709	Nguyễn Cao Thế An	06/11/1996	nam	7.0	7.5	7.3	Khá
2	17002663	Lê Tuấn An	15/03/1999	nam	7.0	7.5	7.3	Khá
3	16002245	Đặng Bình An	16/09/1998	nam	8.5	7.0	7.8	Khá
4	INS1	Bùi Thị Lan Anh	08/12/1982	nữ	7.5	7.0	7.3	Khá
5	INS2	Ngô Hoàng Anh	20/10/1976	nam	8.0	8.5	8.3	Giỏi
6	INS3	Trần Nam Anh	13/04/1989	nam	8.5	9.5	9.0	Giỏi
7	17000986	Lê Đức Anh	04/05/1998	nam	8.0	8.0	8.0	Giỏi
8	16000616	Đỗ Tuấn Anh	27/09/2001	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
9	17001522	Nguyễn Thị Hồng Ánh	12/02/1999	nữ	8.5	8.0	8.3	Giỏi
10	17001007	Nguyễn Nhật Bản	27/11/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
11		Trần Nguyễn Khánh Băng	29/04/1999	nam	9.0	6.0	7.5	Khá
12	15001115	Đỗ Duy Bảo	05/01/1996	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
13	16000788	Huỳnh Trần Gia Bảo	08/09/1997	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
14	INS4	Châu Văn Bảo	06/07/1974	nam	9.0	10.0	9.5	Giỏi
15	17004948	Khương Văn Bình	01/02/1984	nam	9.0	7.0	8.0	Giỏi
16	15002049	Châu Ngọc Ca	25/01/1997	nam	5.5	5.5	5.5	Trung bình
17	15001325	Trần Minh Chiến	17/03/1997	nam	8.5	8.0	8.3	Giỏi
18	INS5	Vũ Hạnh Chiêu	10/03/1982	nữ	9.5	9.0	9.3	Giỏi
19		Hoàng Văn Chung	20/03/1999	nam	8.0	6.5	7.3	Khá
20	16000782	Nguyễn Văn Chương	02/05/1998	nam	8.0	3.5	5.8	Trung bình
21	17000182	Nguyễn Thành Công	16/07/1991	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
22	16001263	Hà Văn Công	20/05/1998	nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình
23	16000787	Đỗ Thành Công	03/10/1998	nam	8.5	5.0	6.8	Trung bình
24	INS6	Nguyễn Minh Đức Cường	19/01/1985	nam	9.5	8.5	9.0	Giỏi
25	15001360	Trần Quốc Cường	26/06/1997	nam	7.5	5.5	6.5	Trung bình
26	15000328	Phạm Lâm Điền	14/08/1997	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
27	17001696	Nguyễn Bảo Điền	08/04/1999	nam	9.0	4.0	6.5	Trung bình
28	17001074	Huỳnh Ngọc Diệp	08/07/1999	nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình
29	16000735	Huỳnh Tấn Định	09/09/1998	nam	7.0	6.0	6.5	Trung bình
30	INS7	Nguyễn Hồng Đức	21/02/1971	nam	5.5	7.0	6.3	Trung bình
31	INS8	Nguyễn Minh Đức	19/02/1960	nam	8.0	9.0	8.5	Giỏi
32	INS9	Nguyễn Minh Đức	03/12/1966	nam	10.0	9.5	9.8	Giỏi
33	17001653	Trịnh Văn Đức	22/08/1999	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
34	17001139	Lê Trung Dũng	26/06/1999	nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình
35	INS10	Nguyễn Thùy Dương	24/05/1980	nữ	8.0	8.5	8.3	Giỏi
36	17001673	Phạm Văn Dương	11/07/1999	nam	6.0	6.0	6.0	Trung bình
37	17004862	Đinh Hùng Dương	09/01/1995	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
38	14000595	Võ Đức Duy	25/09/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
39	16000793	Nguyễn Hoàng Duy	05/02/1997	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
40	17003225	Lê Phước Duy	29/04/1999	nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
41	15000558	Đinh Thanh Duy	02/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
42	17000473	Nguyễn Thị Thùy Duyên	29/01/1998	nữ	9.5	3.0	6.3	Trung bình
43	16002301	Trương Khánh Em	10/01/1998	nam	8.0	7.5	7.8	Khá
44	15002478	Nguyễn Thanh Giang	25/12/1997	nam	9.0	9.0	9.0	Giỏi
45	15001405	Võ Hoàng Giang	04/09/1997	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
46	17001537	Huỳnh Văn Giáo	07/02/1999	nam	7.5	5.5	6.5	Trung bình
47	17002870	Huỳnh Thị Như Hà	22/11/1999	nữ	7.5	7.5	7.5	Khá
48	17003982	Nguyễn Bá Hà	20/02/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
49	15001557	Phan Văn Hải	26/02/1997	nam	7.5	6.0	6.8	Trung bình
50	17004337	Nguyễn Anh Hào	21/08/1999	nam	8.0	6.0	7.0	Khá

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
51	16000746	Nguyễn Quốc	Hào	06/02/1998	nam	8.5	7.0	7.8	Khá
52	17004145	Trịnh Trung	Hậu	10/11/1999	nam	6.5	6.5	6.5	Trung bình
53	17002019	Đặng Công	Hậu	09/09/1999	nam	6.5	5.5	6.0	Trung bình
54	INS11	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	22/10/1978	nữ	6.5	6.5	6.5	Trung bình
55		Nguyễn Lê Chí	Hiếu	24/03/1999	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
56	16000784	Nguyễn Trung	Hiếu	28/02/1998	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
57	17001081	Nguyễn Duy	Hóa	04/10/1998	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
58	17000829	Phạm Đức	Hoàng	08/08/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
59	15001224	Đặng Khánh	Hoàng	10/11/1997	nam	7.5	7.5	7.5	Khá
60	17003614	Lê Huy	Hoàng	10/09/1997	nam	7.0	4.0	5.5	Trung bình
61	17000982	Nguyễn Công	Hoàng	02/12/1999	nam	8.0	6.5	7.3	Khá
62	16003931	Võ Văn	Hợp	01/01/1996	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
63	INS12	Lê Thế	Huân	23/08/1965	nam	6.5	8.0	7.3	Khá
64	INS13	Tăng Cẩm	Huê	07/11/1977	nữ	9.0	9.0	9.0	Giỏi
65	14000996	Nguyễn Long	Hùng	04/04/1996	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
66	17002608	Lê Thế	Hữu	30/04/1999	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
67	17001267	Lâm	Hữu	23/05/1997	nam	7.0	5.5	6.3	Trung bình
68		Vũ Nguyễn Quốc	Huy	27/09/2000	nam	7.0	6.5	6.8	Trung bình
69	17003450	Trần	Huy	08/10/1998	nam	7.0	4.5	5.8	Trung bình
70	17001068	Nguyễn Quang	Huy	06/04/1999	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
71	15001983	Nguyễn Hồ Minh	Huy	01/06/1997	nam	8.0	7.5	7.8	Khá
72	17002421	Trần Hoàng Thanh	Huy	10/09/1999	nam	8.5	7.5	8.0	Giỏi
73	17004337	Ngô Hoàng Thanh	Huy	14/04/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
74	INS14	Vũ Quang	Khải	25/11/1971	nam	9.0	8.0	8.5	Giỏi
75	16000711	Hồ Quang	Khải	16/11/1998	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
76	16000789	Nguyễn Thanh	Khang	11/08/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
77	15001000	Huỳnh Công	Khanh	29/11/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
78	17001815	Châu Hữu	Khánh	24/08/1995	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
79	17003664	Vương Phùng Đăng	Khoa	16/07/1998	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
80	15002579	Huỳnh Đăng	Khoa	18/11/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
81	17001207	Trần Vũ	Khoa	13/03/1999	nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình
82	17001012	Trần Minh	Khoa	21/07/1999	nam	8.0	8.5	8.3	Giỏi
83	15002155	Ngô Hoàng	Kiên	27/01/1997	nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình
84	17003595	Lê Trung	Kiên	12/06/1999	nam	7.5	6.5	7.0	Khá
85	16000747	Nguyễn Thanh	Lâm	06/04/1998	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
86	17002778	Bùi Việt	Lâm	14/10/1999	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
87		Đồng Kim	Lập	08/01/1990	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
88	16000778	Trần Đức Nhật	Linh	28/03/1998	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
89	INS15	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/1986	nữ	7.0	5.5	6.3	Trung bình
90	15001578	Nguyễn Chí	Linh	19/12/1995	nam	8.5	7.0	7.8	Khá
91	15003157	Vương Thị Thùy	Linh	02/04/1997	Nữ	8.0	5.0	6.5	Trung bình
92	17003688	Phạm Thành	Lộc	06/11/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
93	16001134	Nguyễn Tiến	Lợi	13/03/1997	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
94	17001768	Trương Hoàng	Lợi	06/07/1999	nam	7.5	7.5	7.5	Khá
95	17004889	Lê Tiến	Long	15/05/1992	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
96	17001046	Hứa Thanh	Long	01/11/1997	nam	9.0	8.0	8.5	Giỏi
97	15001328	Nguyễn Quang	Luân	01/02/1997	nam	7.0	6.0	6.5	Trung bình
98		Nguyễn Phùng Khắc	Luân	19/12/1998	nam	8.5	7.0	7.8	Khá
99	17001193	Phan Hữu	Luận	03/03/1999	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
100		Khuru Hoàng Minh	Lực	06/11/1999	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
101	15000981	Trương Ngọc Phương	Nam	28/12/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
102	17000554	Đặng Thùy	Nga	28/03/1997	nữ	9.0	9.5	9.3	Giỏi
103		Nguyễn Đức	Nghiêm	05/01/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
104		Nguyễn Thái	Nguyên	05/02/1994	nam	7.0	9.5	8.3	Giỏi
105	15001817	Nguyễn Sĩ	Nguyên	19/03/2000	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
106	INS16	Nguyễn Trần Thanh	Nhàn	15/07/1979	nữ	8.5	8.0	8.3	Giỏi
107	14000605	Cao Duy	Nhân	18/05/1996	nam	6.5	6.0	6.3	Trung bình
108	16001299	Đặng Thành	Nhân	20/09/1997	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
109	17001308	Trần Văn	Nhật	15/05/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình



6/

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
110	15001711	Hồ Nguyễn Đông	Nhi	15/01/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
111	17002397	Hồ Thị Yến	Nhi	10/05/1999	nữ	8.0	5.0	6.5	Trung bình
112	15001640	Nguyễn Minh	Nhựt	17/10/1996	nam	8.0	6.0	7.0	Khá
113	17001787	Huỳnh Hoàng	Nhựt	11/08/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
114	15001613	Phan Hoàng	Phát	26/11/1997	nam	8.0	6.5	7.3	Khá
115	16002207	Nguyễn Đức	Phát	29/03/1998	nam	9.0	3.5	6.3	Trung bình
116	15000706	Suốt Ra	Phết	29/02/1996	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
117	15001783	Nguyễn Thanh	Phi	04/09/1997	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
118	17001001	Trần Minh	Phi	06/03/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
119	16000985	Nguyễn Đoàn Hoàng	Phi	04/09/1997	nam	6.0	5.5	5.8	Trung bình
120	INS17	Đỗ Huỳnh Thanh	Phong	02/02/1983	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
121	17004876	Vũ Văn	Phong	03/09/1994	nam	9.5	7.0	8.3	Giỏi
122	15001406	Nguyễn Trần Hoài	Phong	07/11/1997	nam	6.0	9.0	7.5	Khá
123	17002556	Hoàng Định	Phú	06/07/1998	nam	8.0	8.0	8.0	Giỏi
124	15001127	Lê Minh	Phú	28/07/1997	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
125	17003812	Đoàn Phương Minh	Phước	23/02/1999	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
126	16000785	Trần Hoài	Phương	24/07/1998	nam	8.5	4.0	6.3	Trung bình
127	16000755	Nguyễn Hoàng	Phương	01/01/1998	nam	8.5	4.5	6.5	Trung bình
128	17002230	Nguyễn Châu Thanh	Phương	06/07/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
129	15002026	Nguyễn Thanh	Quân	04/08/1995	nam	7.0	4.0	5.5	Trung bình
130	15000076	Lê Đình	Quân	06/08/1995	nam	8.0	8.5	8.3	Giỏi
131	16000385	Đỗ Võ Thành	Quân	21/12/2001	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
132	16001926	Lê Thị Hồng	Quyên	09/05/1998	nữ	7.5	4.0	5.8	Trung bình
133	17001610	Mai Chức	Quyên	26/07/1996	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
134	16001260	Trần Ngọc	Quyên	14/09/1998	nam	8.5	6.0	7.3	Khá
135	14000059	Phạm Thanh	Sang	05/09/1992	nam	8.5	7.5	8.0	Giỏi
136	17003007	Nguyễn Văn	Sang	01/02/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
137	INS18	Nguyễn Văn	Son	22/12/1965	nam	8.0	9.0	8.5	Giỏi
138	15001652	Phạm Hồng	Son	26/09/1997	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
139	15001482	Trần Hoàng	Son	25/11/1996	nam	8.5	6.5	7.5	Khá
140		Phạm Đăng	Son	09/05/1999	nam	7.0	8.0	7.5	Khá
141	17003865	Nguyễn Lý Lam	Son	22/06/1999	nam	8.0	8.5	8.3	Giỏi
142	16001240	Phạm Tiến	Sỹ	10/11/1998	nam	8.0	7.5	7.8	Khá
143	15002813	Phạm Văn	Tài	01/12/1997	nam	7.5	5.5	6.5	Trung bình
144	15003354	Bùi Văn Tấn	Tài	04/03/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
145	17001286	Nguyễn Thanh	Tâm	31/12/1999	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
146	16002452	Huỳnh Minh	Tâm	09/01/1998	nam	7.5	6.0	6.8	Trung bình
147	INS19	Nguyễn Anh	Tăng	31/08/1967	nam	9.0	6.0	7.5	Khá
148	14000749	Nguyễn Thanh	Tây	30/12/1996	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
149	16001098	Nguyễn Ngọc	Thạch	01/01/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
150	17004950	Đỗ Văn	Thạch	22/09/1994	nam	6.5	5.5	6.0	Trung bình
151	16000781	Nguyễn Hoàng	Thái	28/12/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
152	17001044	Nguyễn Minh	Thái	07/03/1999	nam	7.5	8.0	7.8	Khá
153	15000861	Châu Quang	Thần	19/02/1999	nam	8.0	9.0	8.5	Giỏi
154	17000838	Vũ Xuân	Thắng	23/10/1998	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
155	15001493	Nguyễn Phước	Thành	15/11/1996	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
156	17001574	Nguyễn Ngọc	Thảo	02/06/1999	nữ	5.5	5.0	5.3	Trung bình
157	17001583	Nguyễn Cửu	Thiên	01/01/1999	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
158	15003269	Nguyễn Hải	Thiện	05/12/1996	nam	8.0	7.5	7.8	Khá
159	17003260	Phan Gia	Thịnh	22/12/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
160	14000122	Huỳnh Kiều	Thoại	09/08/1996	nam	7.5	9.5	8.5	Giỏi
161	17003786	Đỗ Nguyễn Mạnh	Thống	03/06/1999	nam	7.5	4.0	5.8	Trung bình
162	INS20	Quách Minh	Thử	14/05/1979	nam	7.5	9.0	8.3	Giỏi
163	15001434	Thiều quang	Thuận	14/05/1997	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
164	16002302	Nguyễn Văn	Thuận	07/11/1997	nam	9.0	6.5	7.8	Khá
165	17001339	Bùi Minh	Thuận	24/04/1999	nam	6.5	5.5	6.0	Trung bình
166	15002641	Trần Quốc	Tiến	16/03/1997	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
167	INS21	Trần Công	Tiến	10/08/1972	nam	7.0	8.0	7.5	Khá
168	15001632	Lê Tấn	Tiến	07/05/1996	nam	7.0	5.5	6.3	Trung bình



6/1

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
169	17001417	Lê Trung	Tín	26/09/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
170	17000946	Huỳnh Đức	Tính	03/10/1999	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
171	17003993	Phạm Văn	Tinh	14/06/1997	nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
172		Phạm Thanh	Toàn	10/12/1999	nam	7.5	4.0	5.8	Trung bình
173	15001428	Trần Anh	Trà	20/10/1997	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
174	17001129	Lê Xuân	Trãi	01/04/1999	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
175		Trương Thị	Trang	20/03/1993	nữ	9.0	5.5	7.3	Trung bình
176		Phạm Văn	Trẻ	19/11/1999	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
177	15001479	Đặng Minh	Trí	07/04/1997	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
178	17002760	Lê Minh	Trí	22/06/1999	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
179	17004230	Trịnh Ngọc Hải	Triều	14/05/1999	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
180	14000620	Bá Quốc Khánh	Trình	03/07/1995	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
181	17004894	Lưu Hoàng	Trung	19/01/1993	nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
182	17004883	Ngô Hoài	Trung	29/11/1989	nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình
183	17003578	Nguyễn Đông	Trường	07/10/1999	nam	8.5	5.0	6.8	Trung bình
184	15002921	Nguyễn Đình	Tứ	16/06/1997	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
185		Nguyễn Nhật	Tuân	10/02/1997	nam	8.0	6.5	7.3	Khá
186	17004878	Đinh Nguyên Anh	Tuấn	27/09/1993	nam	7.5	6.5	7.0	Khá
187	INS22	Cao Văn	Tuấn	02/02/1988	nam	8.5	8.0	8.3	Giỏi
188	16000783	Nguyễn Thanh	Tuấn	16/11/1997	nam	8.0	6.0	7.0	Khá
189	15001359	Trần Quốc	Tuấn	22/02/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
190	17002552	Lê Văn	Tuấn	15/04/1999	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
191	17002036	Nguyễn Văn	Tuấn	10/03/1998	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
192	16000786	Nguyễn Lê	Tùng	10/05/1998	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
193	16003535	Dặng Thị Ánh	Tuyết	17/11/1997	nữ	6.0	5.0	5.5	Trung bình
194	17002640	Đặng Thị	Vân	06/03/1999	Nữ	7.5	6.5	7.0	Khá
195	17003246	Đào Duy	Vĩ	27/11/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
196	17002532	Võ Trần Quốc	Việt	10/01/1998	nam	9.5	8.0	8.8	Giỏi
197	15000425	Nguyễn Văn	Vinh	10/01/2000	nam	8.0	6.0	7.0	Khá
198	15001664	Ngô Trần Khải	Vinh	09/10/2000	nam	8.5	5.0	6.8	Trung bình
199	INS23	Trịnh Tuấn	Vũ	10/05/1973	nam	9.0	8.0	8.5	Giỏi
200	16000768	Lê Tuấn	Vũ	03/12/1998	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
201	17004947	Phan Thanh	Vũ	02/09/1987	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
202	17004077	Hồ Văn	Vũ	19/11/1999	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
203	17004304	Phan Anh	Vũ	12/09/1998	nam	8.0	7.5	7.8	Khá
204	INS24	Nguyễn Văn	Yên	25/06/1973	nam	6.0	6.0	6.0	Trung bình

(Danh sách có 204 học viên)



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc